TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-12-2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Cảnh.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên toà*:* Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 383/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Đồng Minh Đ, sinh năm: 1955.

Địa chỉ: ấp Hồ Sen, xã B, huyện G, tỉnh B.

2. Bị đơn: bà Trần Thị M, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: ấp Hồ Sen, xã B, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ , bà M vắng mặt (ông Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Đồng Minh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Trần Thị M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1978, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì ông và bà M chung sống hạnh phúc được thời dài, tuy nhiên những năm gần đây giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vả làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Ông và bà M không còn quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống và đã sống ly thân đến nay gần 01 năm. Nay ông nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà M.

Về con chung: ông và bà M có 04 con chung là Đồng Thị Thúy Hằng, sinh ngày 15/11/1979; Đồng Thị Thúy Hà, sinh ngày 18/7/1981; Đồng Thị Thúy Kiều, sinh ngày 09/12/1983; Đồng Thị Kim Thi, sinh ngày 16/9/1986, tất cả đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: ông Đ không tranh chấp.

Về nợ chung: ông Đ khai không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà M đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* nguyên đơn ông Đồng Minh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà Trần Thị M là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đ và bà M.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về hôn nhân:* ông Đ và bà M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1978 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Mặc dù, ông Đ và bà M không đăng ký kết hôn nhưng quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, ông Đ cho rằng trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Ông Đ xác định ông không còn tình cảm vợ chồng với bà M nữa nên ông Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo các phiên hòa giải với mục đích là hòa giải cho ông Đ và bà M đoàn tụ nhưng bà M đều vắng mặt. Như vậy, tuy biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng bà M vẫn không tham gia giải quyết vụ án, không cùng cải thiện tình trạng hôn nhân hiện tại của bà và ông Đ. Mặc khác, ông Đ và bà M đã sống ly thân với nhau, từ khi ông bà sống ly thân cho đến nay thì ông bà không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau như vợ như chồng, không có thời gian đoàn tụ. Điều này chứng tỏ, tình trạng hôn nhân của ông Đ và bà M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc xin ly hôn của ông Đ là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* ông Đ và bà M có 04 con chung là Đồng Thị Thúy Hằng, sinh ngày 15/11/1979; Đồng Thị Thúy Hà, sinh ngày 18/7/1981; Đồng Thị Thúy Kiều,

sinh ngày 09/12/1983; Đồng Thị Kim Thi, sinh ngày 16/9/1986, tất cả đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung:* ông Đ không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung:* ông Đ khai không có.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* ông Đ là người cao tuổi nên ông Đ được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Minh Đ. Ông Đồng Minh Đ được ly hôn với bà Trần Thị M.

2. *Về con chung:* ông Đ và bà M có 04 con chung là Đồng Thị Thúy Hằng, sinh ngày 15/11/1979; Đồng Thị Thúy Hà, sinh ngày 18/7/1981; Đồng Thị Thúy Kiều, sinh ngày 09/12/1983; Đồng Thị Kim Thi, sinh ngày 16/9/1986, tất cả đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung:* ông Đ không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung:* ông Đ khai không có.

5. *Về án phí:* Ông Đồng Minh Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn lại cho ông Đồng Minh Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006248 ngày 09/10/2023.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Hồng Đang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Đang